BỘ TÀI CHÍNH

Số: 12337 /BTC- TCNH
V/v xin ý kiến tham gia dự thảo đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2017

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3197
Ngày 22/9/17
Chuyển: PKT (P)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 5335/VPCP-KTTH ngày 24/5/2017 về việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (Nghị định số 37/2013/NĐ-CP), Bộ Tài chính đã hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định và xin ý kiến Quý đơn vị về dự thảo các tài liệu sau:

- Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

- Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

- Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định;

- Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Đề nghị Quý đơn vị tham gia ý kiến vào các dự thảo nêu trên và gửi về Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính) trước ngày 25/../2017 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

Mọi chi tiết xin liên hệ ông Phạm Văn Hiếu, số điện thoại 097.565.6388, email: phamvanhieu@mof.gov.vn

Xin cam ơn sự phối hợp của các đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCNH(55b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP)

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 28/8/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) trên cơ sở tổng kết mô hình hoạt động thí điểm của Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh) và một số quỹ đầu tư phát triển địa phương. Sau một thời gian thực hiện, ngày 22/4/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138 (Nghị định số 37/2013/NĐ-CP). Đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP từ năm 2007 đến nay, có thể thấy bên cạnh những kết quả đã đạt được, các Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của hệ thống Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP).

Ngày 24/5/2017, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 5335/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, cơ quan liên quan trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, Ủy ban nhân dân các địa phương và địa vị pháp lý của Quỹ ĐTPTĐP (Công văn số 5335/VPCP-KTTH).

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5335/VPCP-KTTH và thực hiện theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Căn cứ nội dung tổng kết, đánh giá, Bộ Tài chính dự thảo Tờ trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, dự thảo đề nghị xây dựng Nghị định được lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước) và Ủy ban nhân dân các địa phương có thành lập Quỹ ĐTPTĐP (42 địa

phương), đồng thời đăng lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến các địa phương, Quỹ ĐTPTĐP và công chúng.

Bộ Tư pháp có báo cáo thẩm định số ..... Trên cơ sở tổng hợp ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định

- Tính đến hết tháng 12/2016, đã có 42 địa phương thành lập Quỹ với mục tiêu huy động các nguồn vốn trung và dài hạn để thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp các dự án trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Đến hết năm 2016, số dư nguồn vốn hoạt động của hệ thống Quỹ là 28.040 tỷ đồng, gấp 3,5 lần so với năm 2007. Về cơ cấu, vốn chủ sở hữu chiếm 75% và vốn huy động chiếm 25%. Vốn huy động của các Quỹ ĐTPTĐP chủ yếu từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại (vốn ODA), chiếm 65% trong tổng vốn huy động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP, và tiền bảo hành công trình, ký quỹ của chủ đầu tư, tiền gửi của các quỹ tài chính địa phương... Hoạt động sử dụng vốn của các Quỹ ĐTPTĐP bao gồm cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, trong đó cho vay vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sử dụng vốn của các Quỹ. Tính đến 31/12/2016, tổng vốn sử dụng cho các hoạt động cho vay, đầu tư của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP là 14.964 tỷ đồng, gấp 4 lần so với năm 2007, trong đó hoạt động cho vay đầu tư cơ sở hạ tầng là 12.125 tỷ đồng, chiếm 81% vốn hoạt động của các Quỹ ĐTPTĐP. Nguồn vốn cho vay và đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP đã đóng góp có hiệu quả vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng tại địa phương. Với những kết quả hoạt động nêu trên, hiệu quả tài chính của hệ thống cũng được cải thiện rõ rệt. Tổng lợi nhuận của toàn hệ thống Quỹ trong năm 2016 là 1.637 tỷ đồng, tăng 6 lần so với năm 2007.

- Mặc dù đạt được những kết quả nêu trên, quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho thấy hệ thống Quỹ ĐTPTĐP vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

+ Nguồn vốn hoạt động của các Quỹ ĐTPTĐP vẫn còn hạn chế so với nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Đối với vốn điều lệ, mặc dù quy định vốn điều lệ tối thiểu hiện nay đã rất thấp (ở mức 100 tỷ đồng), tuy nhiên, cho đến nay, vẫn còn 3/42 Quỹ chưa đủ vốn điều lệ tối thiểu 100 tỷ đồng, 18/42 Quỹ có quy mô vốn từ 100 đến dưới 200 tỷ đồng, 12/42 Quỹ có vốn điều lệ trên 200 tỷ đến 500 tỷ đồng và chỉ có 8 Quỹ có quy mô vốn lớn hơn 500 tỷ đồng. Đối với vốn huy động, tính đến hết năm 2016, vốn huy động mới đạt 6.912 tỷ đồng, chiếm 25% vốn hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP. Việc huy động vốn của các Quỹ gặp nhiều khó khăn do không cạnh tranh được với ngân hàng thương mại.

+ Hoạt động sử dụng vốn còn một số bất cập như tỷ lệ nợ xấu ở một số

Quỹ ĐTPTĐP ở mức cao, mức lãi suất cho vay tối thiểu chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay.

- Các quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phát hành trái phiếu của Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng theo quy định đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Trong thời gian qua, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp được ban hành. Do vậy, cần rà soát, sửa đổi các quy định của Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng theo quy định đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ cho phù hợp với quy định hiện hành.

- Trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP (cụ thể tại Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định trình kèm) các Bộ, ngành; các địa phương và Quỹ ĐTPTĐP đều thống nhất về sự cần thiết ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Theo đó, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sẽ đáp ứng được các yêu cầu sau:

- *Thứ nhất,* xây dựng khung khổ pháp lý ổn định để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPTĐP hoạt động và phát triển;

- *Thứ hai,* giảm rủi ro trong hoạt động cho vay, đầu tư cho các Quỹ, ngân sách nhà nước và hệ thống tài chính;

- *Thứ ba,* minh bạch hóa và cập nhật các quy định của Quỹ ĐTPTĐP theo khuôn khổ pháp lý hiện hành;

- *Thứ tư,* nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của Quỹ.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị định

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát trong tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, tăng cường năng lực tài chính cho các Quỹ ĐTPTĐP, tạo điều kiện thuận lợi cho các Quỹ ĐTPTĐP trong việc huy động vốn thông qua kênh phát hành trái phiếu nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của Quỹ; đồng thời đảm bảo hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP phù hợp, đồng bộ với các quy định hiện hành.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- *Thứ nhất,* tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về pháp lý.

- *Thứ hai,* kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để xây dựng Nghị định mới; đồng thời, bổ sung, hoàn chỉnh nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các nghị định nêu trên.

- *Thứ ba,* nghiên cứu, bổ sung những nội dung quy định mới để phù hợp với yêu cầu nâng cao hiệu quả giám sát và phát triển hệ thống Quỹ ĐTPTĐP.

III. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

Nghị định sẽ tiếp tục kế thừa phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, điều chỉnh về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập.

IV. Mục tiêu, nội dung và giải pháp của các chính sách tại Nghị định

1. Nhóm chính sách về hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP

1.1. Mục tiêu, lý do lựa chọn chính sách:

Xuất phát từ thực tế tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP thời gian qua như tỷ lệ nợ xấu ở một số Quỹ ĐTPTĐP ở mức cao (chủ yếu do các dự án cho vay trước khi Quỹ ĐTPTĐP được thành lập), mức lãi suất tối thiểu được UBND một số địa phương quy định ở mức thấp, chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay; cơ chế quản lý phần vốn góp thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn của Quỹ ĐTPTĐP chưa được quy định cụ thể; cơ chế trích lập dự phòng rủi ro đầu tư trực tiếp vào các dự án kết cấu hạ tầng cơ sở đang được quy định ở cấp Thông tư, cần được quy định tại Nghị định để tăng cường cơ sở pháp lý.

1.2. Giải pháp: Để thực hiện nhóm chính sách này, Bộ Tài chính dự kiến triển khai các giải pháp sau:

a) Bổ sung các điều kiện cho vay để đảm bảo an toàn vốn và phòng ngừa rủi ro trong việc cho vay các dự án kết cấu cơ sở hạ tầng; Sửa đổi cách xác định lãi suất cho vay để tạo tính chủ động cho Quỹ ĐTPTĐP và phù hợp với chi phí đầu vào

- Về điều kiện cho vay, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đang quy định chủ đầu tư có đủ tư cách pháp nhân, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định và có phương án sản xuất kinh doanh,

phương án trả nợ. Trong thời gian qua, pháp luật về tín dụng đầu tư được hoàn thiện theo hướng yêu cầu chủ đầu tư có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư, thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật. Đồng thời, để phòng ngừa rủi ro cho Quỹ ĐTPTĐP, bên cạnh việc có tư cách pháp nhân, chủ đầu tư vay vốn cần phải có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự.

- Về lãi suất cho vay, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định lãi suất cho vay của Quỹ ĐTPTĐP được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp chi phí và bảo toàn, phát triển vốn. Căn cứ nguyên tắc trên, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ ĐTPTĐP báo cáo UBND cấp tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ ĐTPTĐP. Tuy nhiên do hầu hết các Quỹ ĐTPTĐP không huy động được vốn nên nguồn vốn hoạt động của các Quỹ ĐTPTĐP chủ yếu là vốn do ngân sách cấp, dẫn đến một số Quỹ ĐTPTĐP áp dụng mức lãi suất thấp so với mặt bằng của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP và so với lãi suất cho vay trung, dài hạn của hệ thống ngân hàng, chưa đảm bảo được nguyên tắc bù đắp chi phí và bảo toàn, phát triển vốn.

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

+ Bổ sung các điều kiện cho vay đối với chủ đầu tư theo hướng: (i) chủ đầu tư phải có năng lực pháp luật dân sự, (ii) thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; và (iii) phải có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư án.

+ Về lãi suất cho vay, Bộ Tài chính dự kiến sửa đổi cách xác định lãi suất cho vay tối thiểu theo hướng bổ sung nguyên tắc khi xác định lãi suất cho vay tối thiểu trong đó chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% cộng phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP. UBND cấp tỉnh quyết định tỷ lệ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đảm bảo Quỹ ĐTPTĐP đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định. Như vậy, việc bổ sung nguyên tắc xác định lãi suất nêu trên sẽ tạo mặt bằng chung trong việc xác định lãi suất cho vay, đồng thời, vẫn đảm bảo quyền chủ động của các địa phương trong việc xác định lãi suất cho vay đến từng dự án cụ thể.

b) Bổ sung quy định các Quỹ ĐTPTĐP trích lập dự phòng rủi ro đầu tư theo cơ chế áp dụng cho doanh nghiệp

- Theo quy định hiện hành (Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 và Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9/01/2013), các tổ chức tín dụng thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi

(ngoài dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp. Đối với Quỹ ĐTPTĐP, việc trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi cũng được thực hiện theo quy định áp dụng đối với doanh nghiệp, tuy nhiên, mới được quy định tại cấp Thông tư do Bộ Tài chính ban hành (Thông tư 28/2014/TT-BTC ngày 25/2/2014)

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, để tăng cường cơ sở pháp lý, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung tại dự thảo Nghị định quy định về trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

2. Nhóm chính sách về nâng cao năng lực của Quỹ ĐTPTĐP

2.1. Mục tiêu, lý do lựa chọn chính sách:

- Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân cùng tham gia đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng mang tính chất kinh tế xã hội quan trọng tại địa phương. Thực tế triển khai các Nghị định cho thấy, chỉ có khoảng 10 Quỹ hoạt động hiệu quả, các địa phương còn lại thành lập Quỹ ĐTPTĐP nhưng không huy động được vốn, hoạt động sử dụng vốn để cho vay, đầu tư thấp. Một trong những nguyên nhân của việc Quỹ ĐTPTĐP hoạt động chưa hiệu quả là do khi thành lập, các địa phương chưa đánh giá đầy đủ vai trò của Quỹ ĐTPTĐP trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, mức vốn tối thiểu để thành lập Quỹ ĐTPTĐP còn thấp, chưa tương xứng với quy mô đầu tư các dự án hạ tầng có quy mô lớn.

- Vốn huy động hiện nay của các Quỹ ĐTPTĐP còn hạn chế, mới chiếm khoảng 25% tổng vốn hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP, trong đó chủ yếu là từ nguồn vốn ODA (chiếm khoảng 65% trong tổng vốn huy động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP). Đối với các nguồn huy động từ phát hành trái phiếu, hiện tại các Quỹ ĐTPTĐP không triển khai được một phần do cơ sở pháp lý chưa rõ ràng đối với Quỹ.

- Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP chưa phản ánh được hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP để khuyến khích các Quỹ ĐTPTĐP tăng cường hoạt động; nguồn vốn điều lệ của các Quỹ ĐTPTĐP còn ở mức thấp, cần tiếp tục duy trì quy định trích lập chênh lệch – thu chi tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để bổ sung quỹ đầu tư phát triển, làm nguồn bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ ĐTPTĐP.

2.2. Giải pháp: Để thực hiện nhóm chính sách này, Bộ Tài chính dự kiến

triển khai các giải pháp sau:

a) Sửa đổi và bổ sung điều kiện thành lập Quỹ ĐTPTĐP theo hướng nâng mức vốn điều lệ thực có tối thiểu của Quỹ ĐTPTĐP và địa phương phải đánh giá khả năng huy động vốn, nhu cầu sử dụng vốn của các Quỹ ĐTPTĐP, đảm bảo Quỹ ĐTPTĐP thành lập được hoạt động đúng mục tiêu và hiệu quả.

- Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập Quỹ ĐTPTĐP phải có vốn điều lệ tối thiểu là 100 tỷ đồng và các điều kiện đối với bộ máy điều hành, quản lý, tuy nhiên, chưa có điều kiện về đánh giá khả năng huy động vốn, khả năng cho vay, đầu tư của Quỹ ĐTPTĐP. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động của Quỹ ĐTPTĐP vẫn còn hạn chế, mức vốn tối thiểu 100 tỷ đồng theo quy định là nhỏ so với nhu cầu đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng có quy mô vốn lớn, thời gian thu hồi vốn dài; mức vốn này sẽ không bảo đảm cho Quỹ ĐTPTĐP có thể quay vòng và thực hiện được nhiều dự án. Bên cạnh đó, do chưa có đánh giá cụ thể về khả năng hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nên một số địa phương thành lập Quỹ ĐTPTĐP nhưng không huy động được vốn, hoạt động sử dụng vốn để cho vay, đầu tư thấp, vai trò của Quỹ ĐTPTĐP trong việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương còn hạn chế.

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ sửa đổi điều kiện thành lập Quỹ ĐTPTĐP như sau: (i) nâng mức vốn điều lệ tối thiểu lên *300 tỷ đồng* cho phù hợp với tình hình thực tế của các địa phương và nâng cao năng lực tài chính, tạo uy tín của Quỹ ĐTPTĐP trên thị trường huy động vốn; (ii) Bổ sung điều kiện trong Đề án thành lập Quỹ ĐTPTĐP phải có phương án huy động, sử dụng vốn, bao gồm danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư trong thời gian 3 năm từ thời điểm dự kiến thành lập Quỹ ĐTPTĐP.

b) Bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đã quy định Quỹ ĐTPTĐP được phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP địa phương theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp chỉ quy định việc phát hành trái phiếu đối với "Công ty cổ phần" và "Công ty trách nhiệm hữu hạn".

Do vậy, để có cơ sở pháp lý cho các Quỹ ĐTPTĐP thực hiện phát hành trái phiếu, bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ ĐTPTĐP; Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP

c) Bổ sung quy định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động,

người quản lý quy định theo hướng phù hợp với quy định áp dụng cho Công ty TNHH do Nhà nước sở hữu 100% vốn

- Đối với mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định phần chênh lệch thu chi sau thuế sau khi trích các quỹ thì Quỹ ĐTPTĐP được trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, mức trích tối đa không quá 500 triệu đồng; và trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện. Mức trích này chưa phản ánh được hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP để khuyến khích các Quỹ ĐTPTĐP tăng cường hoạt động, hoạt động đúng mục đích và quy định.

- Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ tiền thưởng của người quản lý của Quỹ theo chế độ áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp với quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng áp dụng cho công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

d) Tiếp tục duy trì tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển từ nguồn chênh lệch thu chi và giữ nguyên quy định phần chênh lệch còn lại sau khi phân phối chênh lệch thu – chi được sử dụng để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển

- Theo quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định được nộp về ngân sách nhà nước.

- Do bản chất hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP là vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo toàn và phát triển vốn và không vì mục tiêu lợi nhuận, đồng thời các Quỹ ĐTPTĐP đều có vốn điều lệ thực có thấp trong khi lĩnh vực cho vay là các dự án cơ sở hạ tầng có nhu cầu vốn lớn, ngân sách các địa phương còn khó khăn để cấp vốn bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ ĐTPTĐP. Để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPTĐP có nguồn bổ sung vốn điều lệ, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định tỷ lệ trích lập quỹ đầu tư phát triển tối thiểu là 30% chênh lệch thu chi và phần chênh lệch còn lại sau khi phân phối chênh lệch thu – chi được sử dụng để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển. Thực tế triển khai thời gian qua cho thấy, quỹ đầu tư phát triển là nguồn chính để các Quỹ ĐTPTĐP bổ sung vốn điều lệ, qua đó tăng cường nguồn lực cho Quỹ hoạt động.

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ: (i) giữ nguyên mức trích lập quỹ đầu tư phát triển tối thiểu là 30% chênh lệch thu chi và (ii) phần chênh lệch còn lại sau khi phân phối chênh lệch thu – chi được sử

dụng để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn vốn điều lệ cho Quỹ.

3. Nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế giám sát và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ ĐTPTĐP

3.1. Mục tiêu, lý do lựa chọn chính sách:

Trong quá trình hoạt động, Quỹ ĐTPTĐP chịu sự chỉ đạo trực tiếp và kiểm tra, giám sát của chính quyền địa phương. Mặc dù công tác quản lý giám sát của chính quyền tỉnh đã có những cải thiện, tuy nhiên, một số địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức đến vai trò của Quỹ ĐTPTĐP trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Do đó, nhằm tăng cường quản lý hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, cần thực hiện giải pháp nhằm nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ ĐTPTĐP, cho dừng hoạt động, giải thể đối với các Quỹ đã thành lập nhưng hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích.

3.2. Giải pháp: Để thực hiện nhóm chính sách này, Bộ Tài chính dự kiến triển khai các giải pháp sau:

a) Bổ sung quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ ĐTPTĐP, trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm, UBND cấp tỉnh quyết định giải thể Quỹ ĐTPTĐP hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015.

- Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, đối với các Quỹ ĐTPTĐP đang hoạt động không đúng mục đích và không hiệu quả thì kiên quyết cho giải thể. Trong hệ thống Quỹ ĐTPTĐP hiện nay vẫn đang tồn tại một số Quỹ ĐTPTĐP hoạt động nhưng không hiệu quả, không đúng mục tiêu và yêu cầu nhiệm vụ khi thành lập Quỹ ĐTPTĐP là huy động vốn để cho vay, đầu tư nhằm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của địa phương, gây lãng phí cho nguồn vốn ngân sách để duy trì bộ máy hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ:

+ Bổ sung quy định đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ ĐTPTĐP: dự thảo Nghị định quy định các nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở quy định về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước và đặc thù hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP. Theo đó, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ định kỳ hàng năm để kịp thời phát hiện các rủi ro, hạn chế trong hoạt động của

Quỹ ĐTPTĐP, có cảnh báo, giải pháp xử lý cụ thể, quyết định cơ cấu lại Quỹ ĐTPTĐP trong trường hợp cần thiết.

+ Bổ sung quy định về giải thể Quỹ ĐTPTĐP trong các trường hợp: (i) Quỹ ĐTPTĐP đã được cơ cấu lại trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm nhưng tiếp tục hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ; (ii) Các trường hợp bắt buộc phải giải thể Quỹ ĐTPTĐP, bao gồm: Quỹ ĐTPTĐP có mức vốn điều lệ thực có thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định; Quỹ ĐTPTĐP không huy động được vốn, sử dụng vốn cho vay, đầu tư thấp (dưới 20% vốn hoạt động), tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay cao hoặc chênh lệch thu – chi âm trong 3 năm liên tiếp.

b) Bổ sung quy định UBND cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Quỹ ĐTPTĐP, chịu trách nhiệm đánh giá tình hình hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP để đảm bảo Quỹ ĐTPTĐP hoạt động theo đúng quy định và sử dụng vốn hiệu quả.

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37 /2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ ĐTPTĐP. Để nâng cao vai trò, trách nhiệm của UBND cấp tỉnh đối với hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, dự thảo Nghị định bổ sung quy định UBND cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Quỹ; UBND phải đánh giá tình hình hoạt động của Quỹ định kỳ hàng năm để đảm bảo Quỹ hoạt động theo đúng quy định và sử dụng vốn hiệu quả.

c) Bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP

Để tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, bên cạnh các nhiệm vụ đang được giao tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành như sau:

- Bộ Tài chính: định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có ý kiến đối với đề án thành lập Quỹ ĐTPTĐP theo đề nghị của UBND cấp tỉnh.

- Ngân hàng Nhà nước: bổ sung nhiệm vụ thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội: hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ ĐTPTĐP theo chế độ áp dụng trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

V. Dự kiến nguồn lực, điều kiện cho việc thi hành Nghị định

Với các đề xuất chính sách nêu trên, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sẽ sửa đổi, bổ sung các quy định để hoàn thiện địa vị pháp lý, nguyên tắc hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, hoàn thiện cơ chế cho vay, quản trị rủi ro và tăng cường cơ chế giám sát và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP. Đề xuất chính sách tại dự thảo Nghị định nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP trong thời gian qua, tạo điều kiện cho UBND các tỉnh, thành phố rà soát, sắp xếp lại hệ thống quỹ tài chính Nhà nước theo hướng an toàn, hiệu quả, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP, qua đó đóng vai trò tích cực hơn trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. (Bộ Tài chính đánh giá cụ thể tác động của chính sách tại Báo cáo đánh giá tác động trình kèm).

VI. Thời gian dự kiến trình Chính phủ xem xét, ban hành

Trên cơ sở ý kiến nhất trí của Bộ Tư pháp về sự cần thiết ban hành Nghị định và căn cứ ...., Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét cho ý kiến và ban hành Nghị định vào quý .... năm 2018. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ trình kèm bao gồm:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP;

- Báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định;

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

- Tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành;

- Đề cương dự thảo Nghị định;

- Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH (12b)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO TỔNG KẾT THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 138/2007/NĐ-CP NGÀY 28/8/2007 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 37/2013/NĐ-CP NGÀY 22/4/2013 CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 28/8/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) làm cơ sở pháp lý thống nhất cho các Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thành lập và hoạt động. Sau một thời gian thực hiện, ngày 22/4/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (Nghị định số 37/2013/NĐ-CP). Đánh giá quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP từ năm 2007 đến nay, có thể thấy bên cạnh những kết quả đã đạt được, các Nghị định đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của hệ thống Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 5335/VPCP-KTTH ngày 24/5/2017 về tổng kết tình hình hoạt động Quỹ ĐTPTĐP và sửa đổi khung khổ pháp lý, Bộ Tài chính thực hiện đánh giá tổng kết việc thi hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP như sau:

I. Về cơ sở pháp lý

Quỹ ĐTPTĐP là một trong các quỹ tài chính có khung khổ pháp lý được ban hành đầy đủ nhất trong hệ thống các quỹ tài chính ngoài ngân sách hiện nay. Trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay, khung pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP đã được ban hành đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho các Quỹ hoạt động. Cụ thể như sau:

- Nghị định số 138/2007/NĐ-CP được ban hành ngày 28/8/2007 nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất cho các Quỹ ĐTPTĐP hoạt động sau khi có có 14 Quỹ tại các tỉnh, thành phố được thành lập thí điểm theo phê duyệt của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Các Quỹ này được tổ chức và hoạt động căn cứ theo mô hình của Quỹ ĐTPTĐP đầu tiên là Quỹ Đầu tư phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC)) được thành lập vào năm 1997 .

- Sau một thời gian thực hiện, ngày 22/4/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Theo đó, Quỹ ĐTPTĐP là tổ chức tài chính nhà nước

của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, không vì mục tiêu lợi nhuận, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện huy động vốn trung và dài hạn để cho vay và đầu tư trực tiếp vào các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Trên cơ sở quy định cácNghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn về chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính và Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ ĐTPTĐP; đồng thời, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư hướng dẫn về cơ chế tiền lương cho hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ ĐTPTĐP. Căn cứ khung khổ pháp lý nêu trên, các Quỹ xây dựng quy trình, quy chế hoạt động cụ thể trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt nhằm đảm bảo hoạt động của Quỹ được thông suốt, phù hợp với điều kiện hoạt động của từng Quỹ.

II. Đánh giá triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP

1. Kết quả đạt được:

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP đã tạo điều kiện cho các Quỹ chủ động trong quá trình điều hành, quản lý và đảm bảo hoạt động có hiệu quả; góp phần vào sự sự tăng trưởng và phát triển hệ thống Quỹ, cụ thể:

- Về số lượng: trước khi Nghị định số 138/2007/NĐ-CP được ban hành (năm 2007), có 15 Quỹ ĐTPTĐP được thành lập theo mô hình thí điểm theo phê duyệt của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Đến thời điểm 31/12/2016, đã có 42 Quỹ được thành lập và hoạt động trên cả nước, trong đó miền Nam là 18 Quỹ, miền Trung và Tây Nguyên là 12 Quỹ và miền Bắc là 12 Quỹ.

- Mô hình hoạt động: Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định Quỹ ĐTPTĐP được tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập. Đến nay, các Quỹ đều hoạt động độc lập, trong đó có 09 Quỹ kiện toàn từ bộ máy kiêm nhiệm của các chi nhánh Ngân hàng phát triển Việt Nam và 09 Quỹ thành lập trên cơ sở tổ chức lại các Quỹ tài chính tại địa phương như Quỹ Phát triển đất, Quỹ Phát triển nhà ở, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Về nguồn vốn hoạt động: đến hết năm 2016, số dư nguồn vốn hoạt động của hệ thống Quỹ là 28.040 tỷ đồng, gấp 3,5 lần so với năm 2007. Về cơ cấu, vốn chủ sở hữu chiếm 75% và vốn huy động chiếm 35%. Vốn các Quỹ huy động từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại (vốn ODA), chiếm 65% trong tổng vốn huy động của hệ thống Quỹ, và tiền bảo hành công trình, ký quỹ của chủ đầu tư, tiền gửi của các quỹ tài chính địa phương...

- Về hoạt động sử dụng vốn: hoạt động sử dụng vốn của Quỹ bao gồm cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp. Tính đến

31/12/2016, tổng vốn sử dụng cho các hoạt động cho vay, đầu tư của hệ thống Quỹ là 14.964 tỷ đồng, gấp 3,8 lần năm 2007, trong đó hoạt động cho vay vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sử dụng vốn của các Quỹ với dư nợ cho vay là 12.125 tỷ đồng (riêng HFIC chiếm 37% tổng dư nợ của hệ thống Quỹ), nợ quá hạn là 5,9%/tổng dư nợ và hoạt động đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp là 2.839 tỷ đồng (không bao gồm số đầu tư vào 07 công ty con chuyển về HFIC). Thông qua các hoạt động cho vay, đầu tư trực tiếp, các quỹ đã thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân cùng cho vay và đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng cơ sở, giảm bớt áp lực cho ngân sách địa phương trong việc đầu tư vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng mà hiện nay thường do Nhà nước phải đứng ra thực hiện như các dự án xử lý chất thải rắn, bến xe, cấp nước, chợ, trường học..., thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Đối với hoạt động ủy thác, ngoài các hoạt động chính là cho vay, đầu tư, một số Quỹ thực hiện tốt công tác quản lý ủy thác nguồn vốn và hoạt động của các quỹ tài chính tại địa phương, tránh lãng phí nguồn lực của địa phương như Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ phát triển nhà ở, Quỹ phát triển đất, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã...

- Về quản lý giám sát: về cơ bản các địa phương đã thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước quy định, theo đó đa số các địa phương đã thực hiện quy trình thành lập Quỹ, tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ theo quy định của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Bộ Tài chính đã ban hành cơ bản đầy đủ các cơ chế, chính sách tổ chức và hoạt động cũng như cơ chế tài chính và chế độ kế toán để Quỹ hoạt động đúng mục tiêu. Bộ LĐTB&XH đã ban hành cơ chế tiền lương cho hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ ĐTPTĐP.

2. Hạn chế, tồn tại

Mặc dù đạt được các kết quả tích cực nêu trên, quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho thấy hệ thống Quỹ ĐTPTĐP vẫn chưa đạt được sự phát triển như định hướng hoạt động, đặc biệt có khoảng cách phát triển giữa các Quỹ lớn và các Quỹ có quy mô vừa và nhỏ. Các tồn tại, hạn chế của Quỹ tập trung ở các điểm: (i) mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP là thấp (100 tỷ đồng), chưa phù hợp với nhu cầu đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng; (ii) cơ sở pháp lý cho Quỹ ĐTPTĐP phát hành trái phiếu để huy động vốn chưa rõ ràng; (iii) hoạt động sử dụng vốn còn một số bất cập như tỷ lệ nợ xấu ở một số Quỹ ĐTPTĐP ở mức cao, mức lãi suất cho vay tối thiểu chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay; (iv) trách nhiệm giám sát hoạt động cho vay, đầu tư của cơ quan nhà nước chưa được phát huy.

Trên cơ sở những vấn đề nêu trên, việc sửa đổi khung khổ pháp lý để phù hợp với quy định hiện hành và khắc phục các tồn tại, hạn chế trong hoạt động của Quỹ là cần thiết đối với sự phát triển của hệ thống Quỹ. Bộ Tài chính dự

kiến sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

2.1 Về hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ

a) Về hoạt động cho vay

- Về điều kiện cho vay: Điều 6 Nghị định 138/2007/NĐ-CP có quy định về điều kiện cho vay của Quỹ ĐTPTĐP, tuy nhiên Nghị định chưa quy định điều kiện năng lực của chủ đầu tư là có năng lực dân sự và năng lực tài chính về vốn tham gia dự án cũng như chưa có yêu cầu về bảo đảm tiền vay như điều kiện cho vay của các tổ chức tín dụng. Do vậy, Bộ Tài chính đề nghị sửa đổi, bổ sung điều kiện vay vốn bao gồm các nội dung trên để đảm bảo an toàn cho các khoản vay từ Quỹ.

- Về lãi suất cho vay: Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định lãi suất cho vay của Quỹ ĐTPTĐP được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu. Trong bối cảnh các Quỹ huy động vốn khó khăn, chỉ có 19/42 Quỹ có hoạt huy động vốn, trong đó có một số Quỹ chỉ huy động các nguồn vốn ký quỹ, ký cược các công trình có vốn ngân sách với lãi suất 0%/năm và khối lượng nhỏ, do vậy, việc tính toán mức lãi suất căn cứ trên lãi suất huy động bình quân chưa phản ánh hết tình hình hoạt động thực tế hiện nay của các Quỹ, ảnh hưởng đến doanh thu của Quỹ và thị trường tín dụng. Do vậy, lãi suất cho vay cần được sửa đổi theo hướng bổ sung nguyên tắc khi xác định lãi suất cho vay tối thiểu, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% cộng phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ do UBND cấp tỉnh quyết định và phải đảm bảo cho Quỹ đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

b) Về trích lập dự phòng rủi ro đầu tư:

- Hiện nay Ngân hàng nhà nước không có quy định cụ thể về trích lập dự phòng đối với hoạt động đầu tư. Theo quy định hiện hành (Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9/01/2013), các tổ chức tín dụng thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi (ngoài dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp. Các Quỹ ĐTPTĐP cũng đang thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp (quy định tại Thông tư 28/2014/TT-BTC). Tuy nhiên, để tăng cường cơ sở pháp lý, cần bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được trích lập dự phòng rủi ro hoạt động đầu tư tại cấp Nghị định.

2.2 Về nâng cao năng lực của Quỹ ĐTPTĐP

a) Điều kiện thành lập:

- *Về mức vốn điều lệ tối thiểu:* Điều 30 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP quy định các điều kiện để thành lập Quỹ, trong đó có điều kiện về mức vốn điều lệ tối thiểu khi thành lập Quỹ là 100 tỷ đồng. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động của Quỹ vẫn còn hạn chế, mức vốn tối thiểu 100 tỷ đồng theo quy định là nhỏ so với việc cho vay, đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng đòi hỏi quy mô vốn lớn, thời gian thu hồi vốn dài. Mức vốn này sẽ không bảo đảm cho Quỹ có thể quay vòng và thực hiện được nhiều dự án. Đối với các Quỹ có mức vốn điều lệ nhỏ hơn 200 tỷ đồng hiện nay đều hoạt động khó khăn. Do đó, nhiệm vụ của Quỹ trong việc phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương cũng không phát huy được hiệu quả. Dự thảo Nghị định cần nâng mức vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng để nâng cao năng lực tài chính cho Quỹ, đảm bảo an toàn và bù đắp rủi ro có thể xảy ra, cũng như khả năng đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng.

- *Về các điều kiện thành lập Quỹ:* Trên thực tế triển khai các Nghị định cho thấy, chỉ có khoảng 10 Quỹ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt công tác huy động vốn, cho vay và đầu tư. Một số địa phương thành lập Quỹ nhưng không huy động được vốn và hoạt động sử dụng vốn để cho vay, đầu tư thấp, chưa phát huy vai trò của Quỹ trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Do vậy, Bộ Tài chính sửa đổi Nghị định theo hướng bổ sung điều kiện trong Đề án thành lập Quỹ ĐTPTĐP phải có phương án huy động, sử dụng vốn, bao gồm danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư trong thời gian 3 năm từ thời điểm dự kiến thành lập Quỹ ĐTPTĐP.

b) Về phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đã quy định Quỹ ĐTPTĐP được phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP địa phương theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp chỉ quy định việc phát hành trái phiếu đối với "Công ty cổ phần" và "Công ty trách nhiệm hữu hạn".

Do vậy, để có cơ sở pháp lý cho các Quỹ ĐTPTĐP thực hiện phát hành trái phiếu, bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ ĐTPTĐP; Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP

c) Về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, người quản lý

- Đối với mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định phần chênh lệch thu chi sau thuế sau khi

trích các quỹ thì Quỹ ĐTPTĐP được trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành, mức trích tối đa không quá 500 triệu đồng; và trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện. Mức trích này chưa phản ánh được hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP để khuyến khích các Quỹ ĐTPTĐP tăng cường hoạt động, hoạt động đúng mục đích và quy định.

- Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ bổ sung quy định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ tiền thưởng của người quản lý của Quỹ theo chế độ áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp với quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng áp dụng cho công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

d) Về trích quỹ đầu tư phát triển

- Theo quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định được nộp về ngân sách nhà nước.

- Do bản chất hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP là vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo toàn và phát triển vốn và không vì mục tiêu lợi nhuận, đồng thời các Quỹ ĐTPTĐP đều có vốn điều lệ thực có thấp trong khi lĩnh vực cho vay là các dự án cơ sở hạ tầng có nhu cầu vốn lớn, ngân sách các địa phương còn khó khăn để cấp vốn bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ ĐTPTĐP. Để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPTĐP có nguồn bổ sung vốn điều lệ, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định tỷ lệ trích lập quỹ đầu tư phát triển tối thiểu là 30% chênh lệch thu chi và phần chênh lệch còn lại sau khi phân phối chênh lệch thu – chi được sử dụng để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển. Thực tế triển khai thời gian qua cho thấy, quỹ đầu tư phát triển là nguồn chính để các Quỹ ĐTPTĐP bổ sung vốn điều lệ, qua đó tăng cường nguồn lực cho Quỹ hoạt động.

- Xuất phát từ thực tế nêu trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ nguyên mức trích lập quỹ đầu tư phát triển tối thiểu là 30% chênh lệch thu chi và phần chênh lệch còn lại sau khi phân phối chênh lệch thu – chi được sử dụng để bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn vốn điều lệ cho Quỹ.

2.3. Về hoàn thiện cơ chế giám sát và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ ĐTPTĐP

a) Đánh giá hiệu quả hoạt động

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Tuy nhiên, chưa có nội dung, tiêu chí đánh giá cụ thể. Do vậy, để tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giám sát hoạt động của

Quỹ, kịp thời phát hiện và có biện pháp chấn chỉnh phù hợp, dự thảo Nghị định bổ sung nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở quy định về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước và có tính đến đặc thù hoạt động của Quỹ. Theo đó, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ định kỳ hàng năm, trường hợp cần thiết quyết định cơ cấu lại tổ chức và hoạt động của Quỹ.

b) Giải thể Quỹ:

Trong trường hợp các Quỹ đang hoạt động nhưng không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ là huy động vốn để cho vay, đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng địa phương, gây lãng phí cho nguồn vốn ngân sách địa phương đã cấp cho Quỹ, đã thực hiện biện pháp cơ cấu lại theo quyết định của UBND cấp tỉnh nhưng tiếp tục hoạt động không hiệu quả, UBND cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc giải thể Quỹ. Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định quy định các trường hợp bắt buộc giải thể, bao gồm: (i) Có mức vốn điều lệ thực có thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định, (ii) tỷ lệ sử dụng vốn thấp (dưới 20% vốn hoạt động), (iii) không huy động được vốn, nợ xấu cao không có biện pháp xử lý trong vòng 3 năm liên tiếp, (iv) chênh lệch thu – chi âm trong 3 năm liên tiếp.

c) Về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước:

Cùng với định hướng sửa đổi, bổ sung các vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định cần làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính trong việc định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có ý kiến đối với đề án thành lập Quỹ ĐTPTĐP theo đề nghị của UBND cấp tỉnh; Ngân hàng nhà nước trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động an toàn của hệ thống Quỹ cho phù hợp với yêu cầu quản lý; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ ĐTPTĐP theo chế độ áp dụng trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; HĐND và UBND cấp tỉnh trong việc xác định rõ vai trò là cơ quan đại diện chủ sở hữu của Quỹ để đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ định kỳ hằng năm ;

III. Kết luận:

Trên cơ sở đánh giá quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP nêu trên, việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP là cần thiết nhằm hướng tới các mục tiêu:

- *Thứ nhất,* tạo khung khổ pháp lý ổn định, tạo điều kiện cho các Quỹ hoạt động và phát triển;

- *Thứ hai,* giảm rủi ro cho các Quỹ, ngân sách nhà nước và hệ thống tài

chính;

- *Thứ ba,* minh bạch hóa và cập nhật các quy định theo khuôn khổ pháp lý hiện hành;

- *Thứ tư*, nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát các Quỹ ĐTPTĐP cho chủ sở hữu và các cơ quan giám sát.

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Triển khai thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 5335/VPCP-KTTH ngày 24/5/2017 về việc tổng kết tình hình hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Quỹ ĐTPTĐP) và sửa đổi khung khổ pháp lý, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, đề xuất xây dựng Nghị định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP (Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP (Nghị định số 37/2013/NĐ-CP). Bộ Tài chính xin báo cáo đánh giá tác động việc ban hành Nghị định này như sau:

I. Tổng quan về những hạn chế đối với chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Quỹ Đầu tư phát triển địa phương đầu tiên (Quỹ TP.HCM, nay là Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP.HCM) được thành lập vào năm 1997 theo hình thức thí điểm. Sau 10 năm thực hiện thí điểm, mô hình này đã được nhân rộng ra 14 tỉnh, thành phố và đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu. Để tạo hành lang pháp lý thống nhất cho các Quỹ hoạt động, ngày 28/8/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP. Sau một thời gian thực hiện, để tháo gỡ một số vướng mắc, khó khăn trong hoạt động của các Quỹ về lĩnh vực cho vay, đầu tư; lãi suất cho vay và hoạt động cho vay hợp vốn liên tỉnh, ngày 22/4/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP. Quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho thấy các Quỹ hoạt động ngày càng hiệu quả và đã trở thành một kênh huy động vốn quan trọng cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, góp phần đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Tính đến tháng 12/2016, sau gần 20 năm hoạt động, trên phạm vi cả nước đã có 42 địa phương thành lập Quỹ với mục tiêu huy động các nguồn vốn trung và dài hạn để thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp các dự án trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Đến hết năm 2016, số dư nguồn vốn hoạt động của hệ thống Quỹ là 28.040 tỷ đồng, gấp 3,5 lần so với năm 2007. Về cơ

cấu, vốn chủ sở hữu chiếm 75% và vốn huy động chiếm 35%. Vốn các Quỹ huy động từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại (vốn ODA), chiếm 65% trong tổng vốn huy động của hệ thống Quỹ, và tiền bảo hành công trình, ký quỹ của chủ đầu tư, tiền gửi của các quỹ tài chính địa phương... Hoạt động sử dụng vốn của các Quỹ bao gồm cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, trong đó cho vay vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sử dụng vốn của các Quỹ . Tính đến 31/12/2016, tổng vốn sử dụng cho các hoạt động cho vay, đầu tư của hệ thống Quỹ là 14.964 tỷ đồng, gấp 4 lần so với năm 2007, trong đó hoạt động cho vay chiếm đến 81%. Với những kết quả hoạt động nêu trên, hiệu quả tài chính của hệ thống cũng được cải thiện rõ rệt. Tổng lợi nhuận của toàn hệ thống Quỹ trong năm 2016 là 1.637 tỷ đồng, tăng 6 lần so với năm 2007.

Mặc dù đạt được những kết quả nêu trên, quá trình triển khai Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho thấy hệ thống Quỹ ĐTPTĐP vẫn chưa đạt được sự phát triển như định hướng hoạt động, nguồn vốn của các Quỹ vẫn còn hạn hẹp so với nhu cầu đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Cho đến nay có 3/42 Quỹ chưa đủ vốn điều lệ tối thiểu 100 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, 18/42 Quỹ có quy mô vốn từ 100 đến dưới 200 tỷ đồng, 12/42 Quỹ có vốn điều lệ trên 200 tỷ đến 500 tỷ đồng và chỉ có 8 Quỹ có quy mô vốn lớn hơn 500 tỷ đồng. Việc huy động vốn của các Quỹ gặp nhiều khó khăn do không cạnh tranh được với ngân hàng thương mại. Hoạt động sử dụng vốn còn một số bất cập như tỷ lệ nợ xấu ở một số Quỹ ĐTPTĐP ở mức cao, mức lãi suất cho vay tối thiểu chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay. Một số địa phương giao nhiệm vụ của quỹ tài chính nhà nước khác cho Quỹ ĐTPTĐP, không tách bạch giữa hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP với các quỹ tài chính địa phương khác, gây rủi ro cho hoạt động của Quỹ. Trách nhiệm giám sát hoạt động cho vay, đầu tư của cơ quan nhà nước chưa được phát huy.

Trên cơ sở những vấn đề nêu trên, việc sửa đổi khung khổ pháp lý để nâng cao năng lực tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động của các Quỹ ĐTPTĐP nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của Quỹ là cần thiết đối với sự phát triển của hệ thống Quỹ.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Triển khai thực hiện giải pháp phát triển hệ thống Qũy ĐTPTĐP nêu trên, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Nghị định của Chính phủ thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động Quỹ DTPTDP. Việc xây dựng Nghị định dựa trên các nguyên tắc sau:

- *Thứ nhất,* tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về pháp lý.

- *Thứ hai,* kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để xây dựng Nghị định mới; đồng thời, bổ sung, hoàn chỉnh nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các nghị định nêu trên.

- *Thứ ba,* nghiên cứu, bổ sung những nội dung quy định mới để phù hợp với yêu cầu phát triển hệ thống Quỹ ĐTPTĐP.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Nhóm chính sách về hoạt động huy động vốn và cho vay

a) Bổ sung các điều kiện cho vay để đảm bảo an toàn vốn và phòng ngừa rủi ro trong việc cho vay các dự án kết cấu cơ sở hạ tầng:

Giải pháp: Dự thảo Nghị định bổ sung các điều kiện cho vay đối với chủ đầu tư: (i) Có năng lực pháp luật dân sự và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; (ii) Có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư án; (iii) Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp và đúng đối tượng và (iv) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật.

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Điều 12 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP quy định về điều kiện cho vay của Quỹ ĐTPTĐP khi chủ đầu tư đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định, có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi, bảo đảm trả được nợ, có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay và chủ đầu tư là các tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Tuy nhiên, Nghị định chưa quy định về điều kiện về năng lực dân sự và năng lực tài chính của chủ đầu tư khi cho vay dự án. Vì vậy, điều kiện cho vay hiện hành chưa ngăn ngừa được rủi ro trong trường hợp Chủ đầu tư có tư cách pháp nhân nhưng bị mất năng lực pháp luật dân sự, đồng thời chủ đầu tư không có đủ năng lực tài chính để đảm bảo vốn tham gia dự án. Bên cạnh đó, so với các tổ chức tín dụng và ngân hàng thương mại, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP còn thiếu các vấn đề về yêu cầu về bảo đảm tiền vay cho khoản vay, mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp và đúng đối tượng theo danh mục các dự án áp dụng cho Quỹ.

- Xuất phát từ vấn đề nêu trên, dự thảo Nghị định bổ sung các điều kiện về năng lực tài chính, năng lực dân sự của chủ đầu tư và các điều kiện cam kết đảm bảo cho khoản vay từ Quỹ để gắn trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc vay vốn và triển khai dự án, ngăn ngừa rủi ro và đảm bảo khoản vay chặt chẽ, bảo toàn vốn cho Quỹ.

b) Sửa đổi cách xác định lãi suất cho vay để tạo tính chủ động cho Quỹ ĐTPTĐP và phù hợp với chi phí đầu vào

Giải pháp: Dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng bổ sung nguyên tắc khi xác định lãi suất cho vay tối thiểu, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50%; phí quản lý, các chi phí khác có

liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ do UBND cấp tỉnh quyết định đảm bảo cho Quỹ đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Xác định lãi suất cho vay là yếu tố quan trọng trong hoạt động cho vay của các tổ chức tài chính, tín dụng. Đối với hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP thì việc xác định lãi suất hợp lý với khi phí đầu vào, đảm bảo bảo toàn vốn là hết sức quan trọng. Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định lãi suất cho vay của Quỹ ĐTPTĐP được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPTĐP và bảo toàn, phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

- Trong bối cảnh các Quỹ huy động vốn khó khăn, chỉ có 19/42 Quỹ có hoạt huy động vốn, trong đó có một số Quỹ chỉ huy động các nguồn vốn ký quỹ, ký cược từ các công trình có sử dụng vốn ngân sách với lãi suất 0%/năm, do vậy, việc tính toán mức lãi suất căn cứ trên lãi suất huy động bình quân chưa phản ánh hết tình hình hoạt động thực tế hiện nay của các Quỹ, gây khó khăn cho các Quỹ khi xác định mức lãi suất quá thấp, làm ảnh hưởng đến doanh thu của Quỹ và thị trường tín dụng. Do vậy, việc sửa đổi cách xác định lãi suất cho vay cần được sửa đổi theo hướng bổ sung nguyên tắc khi xác định lãi suất cho vay tối thiểu, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% cộng phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ do UBND cấp tỉnh quyết định theo nguyên tắc đảm đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của Quỹ sẽ tạo tính chủ động cho Quỹ xác định lãi suất cho vay phù hợp với chi phí đầu vào, phù hợp với thực trạng hoạt động của Quỹ và vẫn nâng cao trách nhiệm của UBND trong việc bảo toàn vốn.

c) Quy định các Quỹ ĐTPTĐP trích lập dự phòng rủi đầu tư theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp

Giải pháp: Đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, các Quỹ ĐTPTĐP thực hiện trích lập dự phòng đầu tư theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp.

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Hiện nay Ngân hàng nhà nước không có quy định cụ thể về trích lập dự phòng đối với hoạt động đầu tư. Theo quy định hiện hành (Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9/01/2013), các tổ chức tín dụng thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi (ngoài dự phòng rủi ro trong hoạt động ngân hàng) theo quy định chung áp dụng đối với doanh nghiệp.

- Các Quỹ ĐTPTĐP cũng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt

động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp (quy định tại Thông tư 28/2014/TT-BTC). Tuy nhiên, để tăng cường cơ sở pháp lý, cần bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được trích lập dự phòng rủi ro hoạt động đầu tư tại cấp Nghị định.

2. Nhóm chính sách về nâng cao năng lực của Quỹ ĐTPTĐP

a) Sửa đổi và bổ sung điều kiện thành lập Quỹ theo hướng nâng mức vốn điều lệ thực có tối thiểu của Quỹ, địa phương đánh giá được khả năng huy động vốn và nhu cầu sử dụng vốn của các Quỹ, đảm bảo Quỹ thành lập được hoạt động đúng mục tiêu và hiệu quả.

Giải pháp: Dự thảo Nghị định sửa đổi điều kiện thành lập Quỹ bao gồm (i) nâng mức vốn điều lệ tối thiểu khi thành lập Quỹ là 300 tỷ đồng; (ii) bổ sung điều kiện trong Đề án thành lập Quỹ phải có phương án huy động, sử dụng vốn, bao gồm danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư trong thời gian 3 năm từ thời điểm dự kiến thành lập Quỹ.

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Điều 30 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP quy định số vốn điều lệ tối thiểu phải có tại thời điểm thành lập Quỹ ĐTPTĐP là 100 tỷ đồng. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động của Quỹ vẫn còn hạn chế, mức vốn tối thiểu theo quy định hiện hành là nhỏ so với việc cho vay, đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng đòi hỏi quy mô vốn lớn, thời gian thu hồi vốn dài. Đồng thời, mức vốn này sẽ không bảo đảm cho Quỹ có thể quay vòng và thực hiện được nhiều dự án. Thực tế hiện nay, các Quỹ có mức vốn điều lệ nhỏ hơn 300 tỷ đồng đều hoạt động khó khăn. Do đó, nhiệm vụ của Quỹ trong việc phát triển cơ sở hạ tầng tại địa phương không phát huy được hiệu quả. Việc nâng mức vốn điều lệ tối thiểu của Quỹ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng sẽ nâng cao năng lực tài chính cho Quỹ, đảm bảo an toàn và bù đắp rủi ro có thể xảy ra, cũng như đảm bảo khả năng đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng tại địa phương.

- Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân cùng tham gia đầu tư vào các dự án kết cấu hạ tầng mang tính chất kinh tế xã hội quan trọng tại địa phương. Thông qua đó, chính quyền địa phương có thêm công cụ tài chính để huy động các nguồn lực tài chính phục vụ cho mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Thực tế triển khai các Nghị định cho thấy, chỉ có khoảng 10 Quỹ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt công tác huy động vốn, cho vay và đầu tư. Một số địa phương thành lập Quỹ nhưng không huy động được vốn, hoạt động sử dụng vốn để cho vay, đầu tư thấp, chưa phát huy vai trò của Quỹ trong việc góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Vì vậy, việc bổ sung điều kiện thành lập Quỹ khi địa phương có nhu cầu cụ thể về đầu tư cơ sở hạ tầng và phương án huy động vốn khả thi sẽ

hỗ trợ Quỹ thực hiện được nhiệm vụ tạo "vốn mồi" thu hút các nguồn lực của xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng của địa phương.

b) Bổ sung quy định đối với việc phát hành trái phiếu để huy động vốn của Quỹ ĐTPTĐP

Giải pháp: Bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đã quy định Quỹ ĐTPTĐP được phát hành trái phiếu Quỹ ĐTPTĐP địa phương theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp chỉ quy định việc phát hành trái phiếu đối với "Công ty cổ phần" và "Công ty trách nhiệm hữu hạn".

- Do vậy, việc bổ sung quy định khi phát hành trái phiếu, Quỹ ĐTPTĐP được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sẽ tăng cường cơ sở pháp lý, tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPTĐP thực hiện phát hành trái phiếu, bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ ĐTPTĐP.

c) Phân phối chênh lệch thu chi sau thuế để đảm bảo nguồn vốn hoạt động cho Quỹ và thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, người quản lý phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp

Giải pháp:

- Giữ nguyên quy định hiện hành về trích lập các quỹ và phân phối chênh lệch thu chi sau thuế của Quỹ để khuyến khích các Quỹ tăng cường hoạt động có doanh thu, tiết kiệm chi phí, giữ được nguồn vốn cho Quỹ hoạt động.

- Đồng thời, bổ sung quy định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ tiền thưởng của người quản lý của Quỹ theo chế độ áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

Đánh giá tác động giải pháp:

- Về phân phối chênh lệch thu chi sau thuế:

+ Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP quy định Quỹ ĐTPTĐP được trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30% và phần chênh lệch còn lại sau khi trích lập các quỹ được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển. Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp có quy định nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp

nhà nước là trích không quá 30% lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp sử dụng vào mục đích đầu tư phát triển ngành, nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp và Nhà nước thu phần lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ để đảm bảo lợi ích của Nhà nước từ việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp.

+ Tuy nhiên, do mục đích hoạt động của Quỹ là vì phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, không vì lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; đồng thời các Quỹ hiện nay đều có vốn điều lệ thực có thấp trong khi lĩnh vực cho vay là các dự án cơ sở hạ tầng có nhu cầu vốn lớn và ngân sách các địa phương còn khó khăn để cấp vốn bổ sung cho Quỹ; do đó việc trích lập quỹ dầu tư phát triển và phân phối chênh lệch còn lại sau khi trích lập các quỹ theo Nghị định hiện hành là phù hợp với thực trạng hoạt động hiện nay của Quỹ, tạo động lực cho các Quỹ hoạt động cho vay, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đối với mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, nghị định hiện hành quy định phần chênh lệch thu chi sau thuế sau khi trích các quỹ thì Quỹ được trích tối đa 5% lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Quỹ đầu tư phát triển địa phương, mức trích tối đa không quá 500 triệu đồng; và trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện. Mức trích này chưa phản ánh được hiệu quả hoạt động của Quỹ để khuyến khích các Quỹ tăng cường hoạt động, hoạt động đúng mục đích và quy định. Do vậy, dự thảo Nghị định bổ sung quy định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ tiền thưởng của người quản lý của Quỹ theo chế độ áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế giám sát và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với Quỹ ĐTPTĐP

a) Bổ sung quy định về nội dung giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

Giải pháp: dự thảo Nghị định quy định các nội dung đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở quy định về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước và đặc thù hoạt động của Quỹ. Theo đó, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ định kỳ hàng năm để kịp thời phát hiện các rủi ro, hạn chế trong hoạt động của Quỹ, có cảnh báo, giải pháp xử lý cụ thể, quyết định cơ cấu lại Quỹ trong trường hợp cần thiết

Đánh giá tác động của giải pháp:

Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ ĐTPTĐP; tuy nhiên, chưa có nội dung, tiêu chí giám sát cụ thể. Qua thực tế đánh giá hoạt động của hệ thống

Quỹ ĐTPTĐP, Bộ Tài chính nhận thấy tại địa phương mà Quỹ ĐTPTĐP có sự quan tâm, giám sát chặt chẽ thì hoạt động của Quỹ tăng trưởng nhanh, phát huy được vay trò của Quỹ trong việc tạo vốn mồi cho đầu tư hạ tầng của địa phương. Để các Quỹ hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và đảm bảo an toàn, dự thảo Nghị định bổ sung cụ thể nội dung giám sát, phương thức và quy trình giám sát hàng năm. Trên cơ sở kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động, chính quyền địa phương kịp thời có biện pháp chấn chỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, trường hợp cần thiết quyết định cơ cấu lại tổ chức và hoạt động của Quỹ.

b) Quy định điều kiện giải thể Quỹ theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước

Giải pháp: Dự thảo Nghị định xây dựng theo hướng bổ sung quy định về giải thể Quỹ trong các trường hợp: (i) Quỹ đã được cơ cấu lại trên cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm nhưng tiếp tục hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ; (ii) Các trường hợp bắt buộc phải giải thể Quỹ, bao gồm: Quỹ có mức vốn điều lệ thực có thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu quy định; Quỹ không huy động được vốn, sử dụng vốn cho vay, đầu tư thấp (dưới 20% vốn hoạt động), tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay cao hoặc chênh lệch thu – chi âm trong 3 năm liên tiếp

Đánh giá tác động của giải pháp:

- Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, đối với các Quỹ đang hoạt động không đúng mục đích và không hiệu quả thì kiên quyết cho giải thể. Trong hệ thống Quỹ ĐTPTĐP hiện nay vẫn đang tồn tại một số Quỹ hoạt động nhưng không hiệu quả, không đúng mục tiêu và yêu cầu nhiệm vụ khi thành lập Quỹ là huy động vốn để cho vay, đầu tư nhằm phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng địa phương của địa phương, gây lãng phí cho nguồn vốn ngân sách địa phương để duy trì bộ máy hoạt động của Quỹ.

- Việc bổ sung nội dung giải thể đối với các Quỹ để đảm bảo các Quỹ khi thành lập phải hoạt động thực sự, chủ động trong công tác huy động vốn, cho vay, đầu tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo đúng Chỉ thị 22 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, việc quy định UBND có trách nhiệm đánh giá để giải thể Quỹ nhằm tăng cường công tác giám sát, quản lý Quỹ của cơ quan nhà nước, đảm bảo nguồn lực nhà nước được quản lý, sử dụng hiệu quả.

c) Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

Giải pháp: Cùng với việc sửa đổi các nội dung nêu trên, dự thảo Nghị định sửa đổi để làm rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; HĐND và UBND cấp tỉnh. Theo đó bổ sung

trách nhiệm của các cơ quan như sau:

- Bộ Tài chính trong việc: (i) Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, (ii) Có ý kiến đối với đề án thành lập Quỹ ĐTPTĐP theo đề nghị của UBND cấp tỉnh;

- Ngân hàng Nhà nước trong việc: (ii) Thanh tra giám sát các Quỹ ĐTPT trong việc chấp hành các quy định về tiền tệ, ngân hàng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN Việt Nam và (iii) Phối hợp với BTC xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động của Quỹ ĐTPTVN;

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trong việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ ĐTPTĐP theo chế độ áp dụng trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- HĐND và UBND các địa phương có trách nhiệm (i) HĐND cho ý kiến về việc giải thể Quỹ theo đề nghị của UBND; (ii) UBND cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước của Quỹ, thực hiện đánh giá tình hình hoạt động định kỳ của Quỹ và quyết định việc giải thể Quỹ sau khi được HĐND thông qua.

Đánh giá tác động của giải pháp:

Nhóm giải pháp liên quan đến quản lý nhà nước sẽ tăng cường hiệu lực giám sát, quản lý nhà nước, đảm bảo hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP được thực hiện theo đúng quy định của nhà nước; đồng thời hoàn thiện cơ chế phân công, phân nhiệm giữa các cơ quan ở Trung ương và địa phương trong việc quản lý, theo dõi, giám sát, kiểm tra hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

III. Lấy ý kiến các đơn vị liên quan

1. Theo quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã dự thảo đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, UBND các địa phương và các Quỹ ĐTPTĐP. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ để lấy ý kiến rộng rãi công chúng. Sau khi tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành, dự thảo đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP đã được lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

2. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành; ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp ..... .

IV. Giám sát và đánh giá

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp,

việc xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP để thực hiện các giải pháp như đã nêu tại Mục II sẽ tạo ra khung pháp lý đồng bộ thống nhất từ địa vị pháp lý, các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ ĐTPTĐP, cơ chế tài chính và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước để vừa góp phần tháo gỡ khó khăn trong hoạt động cho vay, đầu tư và đảm bảo Quỹ hoạt động đúng mục tiêu khi thành lập Quỹ cũng như nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, thúc đẩy các Quỹ hoạt động hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương./.

Nội dung

Chương I 3
QUY ĐỊNH CHUNG 3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 3
Điều 2. Giải thích từ ngữ 3
Điều 3. Địa vị pháp lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 4
Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 4
Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước 4
Chương II 6
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG 6
Mục 1 6
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN 6
Điều 6. Đối tượng đầu tư trực tiếp 6
Điều 7. Điều kiện đầu tư 7
Điều 8. Phương thức đầu tư 7
Điều 9. Hình thức đầu tư 7
Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư 7
Mục 2 8
CHO VAY ĐẦU TƯ 8
Điều 11. Đối tượng cho vay 8
Điều 12. Điều kiện cho vay 8
Điều 13. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư 9
Điều 14. Thời hạn cho vay 9
Điều 15. Lãi suất cho vay 9
Điều 16. Bảo đảm tiền vay 10
Điều 17. Quy định về cho vay hợp vốn 10
Điều 18. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư 11
Điều 19. Xử lý rủi ro 11
Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro 11
Mục 3 12
GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ 12
Điều 21. Hình thức góp vốn 12
Điều 22. Thẩm quyền quyết định góp vốn 12
Mục 4 12
NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC 12
Điều 23. Nhận ủy thác 12
Điều 24. Ủy thác 13
Mục 5 13
GIỚI HẠN ĐẦU TƯ, CHO VAY, GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP 13
Điều 25. Giới hạn đầu tư, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp 13
Chương III 14

VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG 14
Điều 26. Vốn chủ sở hữu 14
Điều 27. Vốn huy động 14
Điều 28. Giới hạn huy động vốn 14
Điều 29. Vốn nhận ủy thác 14
Chương IV 15
TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG 15
Điều 30. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương 15
Điều 31. Trình tự thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương 15
Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 16
Điều 33. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 16
Điều 34. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 16
Điều 35. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 17
Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương 17
Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý 17
Điều 38. Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương 18
Điều 39. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 19
Chương V 20
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN 20
Điều 40. Chế độ tài chính 20
Điều 41. Chế độ kế toán, kiểm toán 21
Chương VI 21
GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 21
Điều 42. Cơ quan giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương 21
Điều 43. Nội dung giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương 22
Điều 44. Căn cứ thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động 22
Điều 45. Phương thức và tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động 22
CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG 23
Điều 46. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương 23
Điều 47. Các trường hợp phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương 23
Điều 48. Hội đồng giải thể 24
Điều 49. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương 24
Điều 50. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương 25
Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể 26
Điều 52. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể 26
Chương VII 27
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 27
Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện 27
Điều 54. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành 27

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .... /2017/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2017*

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập.

Điều 2.Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại một thời điểm.

2. "Đầu tư trực tiếp vào các dự án" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

3. "Cho vay hợp vốn" là việc Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các tổ

chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.

Điều 3. Địa vị pháp lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là một tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương; thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Tên gọi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là: Quỹ đầu tư phát triển, ghép với tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 4.Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện các hoạt động sau:

1. Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Đầu tư, bao gồm đầu tư trực tiếp vào các dự án; cho vay đầu tư; góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 5.Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Ban hành cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

d) Xem xét có ý kiến về đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

e) Định kỳ hàng năm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình hoạt động của hệ thống Quỹ đầu tư phát triển địa trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo chế độ áp dụng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Phê duyệt đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Xem xét có ý kiến chấp thuận danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 6 và Điều 11 Nghị định này;

d) Phê duyệt phương án giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Xây dựng đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định này;

b) Quyết định việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

c) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt;

d) Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng

quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

đ) Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

e) Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 6 và Điều 11 Nghị định này;

g) Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong từng thời kỳ theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này;

h) Quyết định phê duyệt đầu tư đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

i) Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc thời gian vay quá 15 năm;

k) Quyết định phê duyệt góp vốn đối với một doanh nghiệp có mức góp vốn trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

l) Quyết định số lượng thành viên hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

m) Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

n) Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

o) Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình và hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và gửi Bộ Tài chính tổng hợp;

p) Quyết định việc giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

q) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀO CÁC DỰ ÁN

Điều 6. Đối tượng đầu tư trực tiếp

1. Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư trực tiếp vào các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Nghị định này.

Điều 7. Điều kiện đầu tư

1. Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

Điều 8. Phương thức đầu tư

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hình thức đầu tư

1. Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật đầu tư.

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư, hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Mức vốn đầu tư đối với một dự án đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ

đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 2
CHO VAY ĐẦU TƯ

Điều 11. Đối tượng cho vay

1. Đối tượng cho vay là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

3. Căn cứ vào danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương quy định tại Khoản 2 Điều này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn, thẩm định và quyết định cho vay các dự án cụ thể nếu đáp ứng các điều kiện cho vay quy định tại Nghị định này.

Điều 12. Điều kiện cho vay

Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ cho vay khi chủ đầu tư bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp và đúng đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

3. Có vốn chủ sở hữu tham gia trong quá trình thực hiện dự án tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư của dự án.

4. Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.

5. Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

6. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật.

7. Chủ đầu tư là các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định cho vay đầu tư

1. Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 14. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm. Trường hợp đặc biệt vay trên 15 năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 15. Lãi suất cho vay

1. Nguyên tắc xác định lãi suất cho vay

a) Không thấp hơn bình quân lãi suất các nguồn vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu, cộng phí quản lý, các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ.

b) Khi xác định lãi suất vay quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, chi phí cơ hội của vốn chủ sở hữu được tính tối thiểu bằng bình quân lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của 3 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50%, phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đảm bảo cho Quỹ đủ nguồn kinh phí hoạt động và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

2. Hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng giám đốc, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu trong trường hợp lãi suất cho vay xác định theo nguyên tắc tại Khoản 1 Điều này chênh lệch 20% so với mức lãi suất đã công bố trước đó.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không được thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều này. Mức lãi suất cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đối với mỗi dự

án được áp dụng cho toàn bộ dư nợ của dự án từ thời điểm có quyết định điều chỉnh lãi suất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho vay dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo quy định tại Nghị định này với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch giữa mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và lãi suất chỉ định cho vay đối với dự án đó

6. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chương trình hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với một dự án cụ thể thì phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối tượng được nhận hỗ trợ lãi suất sau đầu tư là chủ đầu tư vào dự án thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với từng dự án cụ thể, trong đó phải quy định rõ: Đối tượng được nhận hỗ trợ; phương thức, thời điểm và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc thẩm định dự án và giải ngân hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng được nhận hỗ trợ và của các bên có liên quan khác;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Điểm b Khoản này, đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

7. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện thco các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 16. Bảo đảm tiền vay

Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương sử dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Trường hợp thực hiện cho vay hợp vốn đối với dự án không thuộc địa bàn tỉnh, thành phố nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động thì việc cho vay hợp vốn phải thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Dự án phải thuộc Danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

b) Dự án có tính chất hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội liên vùng, bao gồm cả địa phương nơi Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoạt động;

c) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn ở ngoài địa bàn tỉnh, thành phố chấp thuận.

3. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng với các điều kiện, điều khoản tuân thủ đúng quy định tại Nghị định này.

4. Lãi suất cho vay hợp vốn do các Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay hợp vốn tự quyết định, được thể hiện trong hợp đồng và phải đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

Điều 18. Phân loại nợ, trích lập Quỹ dự phòng xử lý rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư

Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện phân loại nợ, trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư như các tổ chức tín dụng.

Điều 19. Xử lý rủi ro

Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

1. Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; xóa, giảm lãi tiền vay; khoanh nợ;

2. Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

b) Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

c) Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

Điều 20. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Cấp nào quyết định cho vay thì quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn của khoản vay.

2. Hội đồng quản lý quyết định việc xóa nợ lãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ gốc.

Trường hợp xóa nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Mục 3
GÓP VỐN THÀNH LẬP CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ

Điều 21. Hình thức góp vốn

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định góp vốn

1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định.

2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mục 4
NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 23. Nhận ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác quản lý hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; quỹ phát triển nhà ở, quỹ phát triển đất, quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và các quỹ tài chính nhà nước của địa phương khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Khi nhận ủy thác, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tách bạch hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và hoạt động của quỹ nhận ủy thác.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong văn bản hoặc hợp đồng nhận ủy thác

Điều 24. Ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ủy thác cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng phát triển Việt Nam thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thông qua hợp đồng ủy thác giữa Quỹ đầu tư phát triển địa phương với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng phí dịch vụ ủy thác. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Mục 5
GIỚI HẠN ĐẦU TƯ, CHO VAY, GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Điều 25. Giới hạn đầu tư, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

2. Giới hạn cho vay:

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện và không vượt quá 80% tổng vốn đầu tư của dự án. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện;

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại thời điểm thực hiện.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay, đầu tư trực tiếp khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Chương III
VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 26. Vốn chủ sở hữu

1.Vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vốn điều lệ thực có: Là số vốn do chủ sở hữu cấp cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương để hoạt động theo quy định tại Nghị định này;

b) Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển;

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính; nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Điều 27. Vốn huy động

Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, bao gồm:

1. Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

2. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được áp dụng quy định về huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Giới hạn huy động vốn

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 27 Nghị định này tối đa bằng sáu (6) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại cùng thời điểm.

Điều 29. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 23 Nghị định này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương IV
TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 30. Điều kiện thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Có Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 31 Nghị định này.

2. Số vốn điều lệ tối thiểu phải có tại thời điểm thành lập là 300 (ba trăm) tỷ đồng.

3. Bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Giám đốc và các Phó giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời, phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư.

5. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành tài chính, kế toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

Điều 31. Trình tự thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương với các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương; nhu cầu đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương; quy mô, phạm vi hoạt động; cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Phương án cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Phương án và khả năng huy động vốn cho hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong tối thiểu ba (03) năm từ thời điểm dự kiến thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

d) Dự kiến phương án hoạt động trong 03 (ba) năm đầu kèm theo danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư sau khi Quỹ được thành lập;

đ) Thuyết minh về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ đầu tư phát

triển địa phương đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 Nghị định này;

e) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính ban hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến Bộ Tài chính đối với Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Đề án trước khi quyết định thành lập, phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính biết và công bố rộng rãi việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

Điều 32. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

Điều 33. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

2. Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích.

3. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 34. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Quỹ

đầu tư phát triển địa phương theo quy định của Nghị định này.

2. Được lựa chọn các dự án có hiệu quả phù hợp với kế hoạch và cơ cấu đầu tư của Ủy ban nhân cấp tỉnh để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Được tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo lao động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

4. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

6. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ đầu tư phát triển địa phương ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương tổ chức theo mô hình hoạt động độc lập.

2. Tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm: Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 36. Thành phần Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Hội đồng quản lý có tối đa 05 (năm) thành viên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện thực tế quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải là số lẻ.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp.

4. Thành phần, cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động

vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

3. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay đầu tư trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

5. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.

6. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát quỹ đầu tư phát triển địa phương; quyết định các thành viên khác của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

8. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý.

9. Ban hành quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 38. Ban kiểm soát Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ và nghiệp vụ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng quản lý. Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Trình bày báo cáo, kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả

thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý nhưng không tham gia biểu quyết.

2. Ban Kiểm soát có tối đa 03 (ba) thành viên, được hưởng phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm Ban Giám đốc (Giám đốc, Phó Giám đốc) và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Giám đốc Quỹ là ủy viên của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, là người đại diện pháp nhân của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Phó Giám đốc và kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

4. Về nhân sự và tổ chức của Quỹ:

a) Việc tuyển dụng lao động; quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Việc tổ chức các Phòng, Ban Nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Hội đồng quản lý quyết định căn cứ thực tế hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, phù hợp với hướng dẫn tại Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng quản lý;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ;

d) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương với Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh và Bộ Tài chính;

đ) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh trưởng phòng, ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống;

g) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Chương V
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 40. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Khoản trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Khoản trích dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư trực tiếp, dự phòng các khoản phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp và được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

4. Cơ chế tiền lương, tiền thưởng và xếp hạng doanh nghiệp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo tiêu chuẩn xếp hạng đối với nhóm công ty tài chính.

5. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là khoản chênh lệch giữa tổng các khoản phải thu và tổng các khoản phải trả hợp lý, hợp lệ.

Trường hợp tổng doanh thu lớn hơn tổng số chi phí, phần chênh lệch này được phân phối theo trình tự sau:

a) Bù đắp các khoản lỗ lũy kế đến thời điểm quyết toán;

b) Trừ các khoản tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của

Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật;

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thì không trích nữa;

d) Phần chênh lệch sau khi đã trừ các khoản quy định tại Mục a, b, và c khoản 5 Điều này được trích theo thứ tự sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển tối thiểu 30%;

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, quỹ tiền thưởng của người quản lý của Quỹ theo chế độ áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Phần chênh lệch còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

7. Mục đích sử dụng các quỹ

a) Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong hoạt động;

b) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ;

c) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cán bộ, nhân viên trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác;

d) Quỹ phúc lợi được dùng để chi cho các hoạt động, công trình phúc lợi công cộng của cán bộ, nhân viên; phúc lợi xã hội;

đ) Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản lý và Ban Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 41. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Báo cáo tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể chế độ kế toán, cơ chế quản lý tài chính, chế độ báo cáo đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương VI

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 42. Cơ quan giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt

động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với chi nhánh Ngân hàng nhà nước Việt Nam các tỉnh, thành phố giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát và đánh giá tình hình hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 43. Nội dung giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương

1. Tuân thủ các quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các nội dung đánh giá cụ thể:

a) Bảo toàn và phát triển vốn, bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động

b) Hiệu quả sử dụng vốn, bao gồm việc sử dụng vốn để cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp

c) Mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức của Quỹ

d) Kết quả tài chính về doanh thu, chi phí và chênh lệch thu chi, hiệu quả tài chính qua các năm.

Điều 44. Căn cứ thực hiện giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Quy định về cho vay, đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động, quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

4. Báo cáo tài chính năm của Quỹ đã được kiểm toán độc lập và được Hội đồng quản lý thông qua; báo cáo tài chính sáu (06) tháng, báo cáo tài chính quý, báo cáo nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo đột xuất khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại Quỹ của các cơ quan chức năng đã công bố theo quy định hoặc đã gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Phương thức và tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương định kỳ hàng năm, kịp thời phát hiện các rủi ro trong hoạt động của Quỹ, hạn chế trong quản lý tài chính và có cảnh báo, giải

pháp xử lý cụ thể. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đánh giá đột xuất tình hình hoạt động của Quỹ.

2. Căn cứ kết quả giám sát tình hình hoạt động; các quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức, hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; Ủy ban nhân dân các tỉnh lập Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

3. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gửi cho Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chương VI

CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 46. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại Khoản 2 Điều 45 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

1. Cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản trị, điều hành và các hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tổ chức và hoạt động chưa tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, hoạt động chưa hiệu quả.

2. Giải thể các Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã cơ cấu lại nhưng hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu thành lập Quỹ, hoạt động không đúng quy định của pháp luật và các trường hợp buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 47 Nghị định này.

Điều 47. Các trường hợp phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Không có đủ vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

2. Không huy động được vốn trong ba (03) năm liên tiếp.

3. Tỷ lệ sử dụng vốn để cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp thấp hơn 20% vốn hoạt động trong ba (03) năm liên tiếp.

4. Tỷ lệ nợ xấu cao hơn 20% trong ba (03) năm liên tiếp.

5. Chênh lệch thu chi âm trong ba (03) năm liên tiếp và có số chênh lệch thu chi âm lũy kế bằng 75% số vốn điều lệ thực có tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương trở lên.

Điều 48. Hội đồng giải thể

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng giải thể để tổ chức việc thực hiện giải thể Quỹ Đầu tư phát triển địa phương. Hội đồng giải thể có chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phương án giải thể Quỹ và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ.

2. Hội đồng giải thể gồm đại diện các cơ quan sau:

a) Chủ tịch Hội đồng giải thể là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại địa phương;

d) Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng ban kiểm soát của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết).

Điều 49. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải giải thể theo Khoản 2 Điều 46 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 48 Nghị định này. Hội đồng giải thể có trách nhiệm xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp trước khi quyết định giải thể. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức kiểm toán độc lập để đánh giá thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ, trừ trường hợp đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác, bao gồm các quỹ tài chính nhà nước đang ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương (nếu có).

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

e) Nội dung chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các nội dung quy định tại Điều 50 Nghị định này.

3. Sau khi có quyết định giải thể:

a) Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 51 Nghị định này;

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 52 Nghị định này;

c) Cơ quan thuế trực tiếp quản lý việc thu thuế Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm ban hành văn bản xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ trong thời hạn 7 ngày làm việc sau khi có có văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương không quá 01 năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Điều 50. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Quỹ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày có quyết định giải thể;

d) Thu hồi trước hạn hoặc chuyển giao các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp cho một đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi, thu nợ vốn Quỹ đã cho vay và thu hồi vốn Quỹ đã đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp;

d) Thời hạn chuyển giao các khoản nhận ủy thác, bao gồm các quỹ tài chính nhà nước ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương, thời gian chuyển giao không vượt quá 90 ngày từ ngày có quyết định giải thể;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính biết và công bố rộng rãi việc giải thể

Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể

1. Kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm:

a) Chấm dứt hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp và các hoạt động có liên quan;

b) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

c) Lập danh sách các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính của Quỹ; nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư trực tiếp, các khoản góp vốn thành lập doanh nghiệp và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác.

d) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách gửi tiền của các tổ chức tại Quỹ, danh sách các khoản cho vay, đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ.

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 52. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ việc giải thể;

b) Tổ chức giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án được duyệt.

c) Trong thời hạn 07 kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện

1. Tối đa trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có dưới 300 (ba trăm) tỷ đồng phải bổ sung đủ vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này. Sau thời hạn này, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có thấp hơn 300 (ba trăm) tỷ đồng phải chấm dứt hoạt động.

2. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp đã được Quỹ đầu tư phát triển địa phương ký hết hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết theo giới hạn cho vay, đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trường hợp sửa đổi, bổ sung hạn mức của hợp đồng cho vay, đầu tư trực tiếp nói trên, việc sửa đổi, bổ sung phải tuân thủ quy định tại Nghị định này.

3. Đối với các dự án cho vay, đầu tư trực tiếp sau khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải tuân thủ quy định tại Nghị định này.

4. Các hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp và các hoạt động khác theo chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Công ty đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 54. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 201...

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (...b)

Nguyễn Xuân Phúc

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ CHO VAY

(Ban hành kèm theo Nghị định số ...../201.../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 201.... của Chính phủ)

Stt	Lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội
I	**Kết cấu hạ tầng giao thông, năng lượng, môi trường**
1	Đầu tư kết cấu hạ tầng
2	Đầu tư phát triển điện, sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió
3	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải, đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải, đầu tư sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường
4	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng
II	**Công nghiệp, công nghiệp phụ trợ**
1	Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao
2	Đầu tư các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao
3	Di chuyển sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, cụm làng nghề
III	**Nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển nông thôn**
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo hồ chứa nước, công trình thủy lợi;
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
3	Đầu tư xây dựng và bảo vệ rừng phòng hộ, dự án bảo vệ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
IV	**Xã hội hóa hạ tầng xã hội**
1	Đầu tư xây dựng, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên...)
2	Đầu tư xây dựng, mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, hạ tầng khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hoá, thể dục thể thao, công viên.
3	Đầu tư xây dựng, cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương
4	Di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang
V	**Lĩnh vực đầu tư kết kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác tại địa phương**

PHỤ LỤC II

MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số ...../201.../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm 201.... của Chính phủ)

A. TỔNG QUAN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN .....

1. Đặc điểm mô hình hoạt động

2. Mục tiêu thành lập

3. Chức năng hoạt động

4. Tổ chức bộ máy và nhân sự

B. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Tình hình hoạt động:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 20..N-2	Năm 20..N-1	Năm 20..N
I	**Vốn hoạt động, gồm: (1)+(2)**			
1	Vốn chủ sở hữu, trong đó:			
	Vốn điều lệ do NSNN cấp			
2	Vốn huy động			
3	Tỷ trọng vốn chủ sở hữu/vốn hoạt động			
4	Tỷ trọng vốn huy động/vốn hoạt động			
5	Tốc độ tăng vốn hoạt động			
II	**Hoạt động cho vay, đầu tư**			
1	Dư nợ cho vay			
2	Đầu tư trực tiếp			
3	Góp vốn thành lập doanh nghiệp			
4	Nợ xấu (nợ nhóm 3-5)			
5	Tỷ trọng dư nợ cho vay/vốn hoạt động			
6	Tỷ trọng dư nợ đầu tư, góp vốn thành lập DN/vốn hoạt động			
7	Nợ xấu/Dư nợ cho vay			
III	**Kết quả kinh doanh**			
1	Doanh thu			
2	Chi phí			
3	Nộp NSNN			
4	Chênh lệch thu chi sau thuế			
5	ROE (Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu)			
6	ROA (Lợi nhuận/Tổng tài sản)			

2. Kết quả hoạt động

2.1. Về vốn hoạt động

a. Vốn chủ sở hữu:

- Đánh giá việc tuân thủ quy định về mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Nghị định và phân tích tốc độ tăng trưởng vốn, đảm bảo cho các hoạt động cho vay, đầu tư của Quỹ.

- Việc đánh giá vốn điều lệ của Quỹ ĐTPTĐP tách biệt với nguồn vốn của các quỹ tài chính khác được giao nhiệm vụ thực hiện (nếu có).

b. Vốn huy động:

- Đánh giá số vốn huy động, nguồn huy động vốn, việc tuân thủ giới hạn và kỳ hạn huy động vốn theo quy định tại Nghị định.

2.2. Hoạt động sử dụng vốn

a) Cho vay:

- Đánh giá về doanh số, dư nợ cho vay, lĩnh vực và lãi suất cho vay; việc tuân thủ các giới hạn cho vay tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37.

- Phân tích cụ thể dư nợ xấu (nguyên nhân, phương án xử lý nợ xấu) và phân loại nợ và trích lập dự phòng,

b) Đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp:

Đánh giá về doanh số, lĩnh vực, phương thức và giới hạn đầu tư trực tiếp/góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37.

2.3. Hoạt động ủy thác và nhận ủy thác

(Nêu rõ số ủy thác, nhận ủy thác và nguồn nhận ủy thác theo quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37)

2.4. Kết quả tài chính

Phân tích tình hình tăng trưởng và cơ cấu doanh thu, chi phí và chênh lệch thu chi, hiệu quả tài chính qua các năm.

3. Đánh giá hiệu quả hoạt động

3.1. Kết quả đạt được

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

(Đánh giá cụ thể kết quả đạt được và hạn chế trong các hoạt động theo các nội dung nêu tại Điểm 2)

III. Kết luận:

1. Đối với các Quỹ hoạt động hiệu quả, đúng mục đích: UBND đề xuất giải pháp tăng cường phát triển hoạt động Quỹ.

2. Đối với các Quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích và điều kiện hoạt động: kiến nghị biện pháp xử lý là cơ cấu lại hay giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định.